TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1256/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 12 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vân
2. Bà Nguyễn Thị L

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 938/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1967
Địa chỉ: 14 Ng, phường Ng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.
Bị đơn: Anh Trần Ngọc L1, sinh năm: 1966
Địa chỉ: 246 Ng, phường Ng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc L1 đăng ký kết hôn số 09 ngày 05/11/1990 tại UBND phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tự nguyện, có tìm hiểu thời gian 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm. Đến năm 1994 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau vì không cùng quan điểm sống. Anh L1 còn có tính cờ bạc và ngoại tình. Khi có mâu thuẫn thì chị cố gắng im lặng chịu đựng. Đến tháng 12/2016 mâu thuẫn gay gắt và tự sống ly

thân đến nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa nên chị cương quyết xin ly hôn anh L1 để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Quang Ph, sinh ngày: 08/01/1991 và Trần Lê Ngọc H, sinh ngày: 15/7/2003. Sức khỏe các con chung bình thường và hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/10/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc L1 trình bày: Anh thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị L đã trình bày. Anh và chị Lê Thị L đăng ký kết hôn số 09 ngày 05/11/1990 tại UBND phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 1993 anh làm ăn bị thua lỗ nợ nần nên chị L tự đi thuê nhà ở riêng. Đến khoảng năm 2015 - 2016 vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là vì kinh tế gia đình nên bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng tự sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Quang Ph, sinh ngày 08/01/1991 và Trần Lê Ngọc H, sinh ngày: 15/7/2003. Sức khỏe các con chung bình thường, hiện nay đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn anh Trần Ngọc L1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa; đồng thời đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Ngọc L1 - là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trần Ngọc L1 là hôn nhân hợp pháp. Chị L xin ly hôn anh L1 vì tình cảm vợ chồng không còn là do không hợp nhau về cách sống, lối sống và tính cách nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh L1 nên chị yêu cầu được ly hôn anh L1. Quá trình làm việc anh L1 khai rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường không có mâu thuẫn gì lớn. Đến khoảng năm 2015 - 2016 vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống là vì kinh tế gia đình có bất đồng quan điểm nên chị L bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn thì anh không

đồng ý ly hôn. Quá trình làm việc Toà đã hoà giải động viên chị L và anh L1 hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tuy anh L1 không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa anh L1 cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên Toà anh L1 vắng mặt, như vậy chứng tỏ anh L1 đã bỏ mặt cho hôn nhân tan vỡ.

Xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh L1 không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung là Trần Quang Ph, sinh ngày: 08/01/1991 và Trần Lê Ngọc H, sinh ngày: 15/7/2003, sức khoẻ các con chung bình thường và hiện nay đã trưởng thành. Chị L, anh L1 không yêu cầu nên Toà không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh L1 không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị L ly hôn anhTrần Ngọc L1.

2. Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung là Trần Quang Ph, sinh ngày: 08/01/1991 và Trần Lê Ngọc H, sinh ngày: 15/7/2003, sức khoẻ các con chung bình thường, hiện nay đã trưởng thành và chị L, anh L1 không yêu cầu nên Toà không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh L1 không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0000639 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- VKSND thành phố Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- UBND phường Ngô Mây (số 09/1990);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương